

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Lương Tấn Nghi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ý – Thư ký TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát Viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo thủ tục rút gọn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lưu Thị L**, sinh ngày 01/10/1970 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 23/5/1990 của UBND xã H là: Lưu Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1970). (Có mặt)

Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đồng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lưu Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 23/5/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông H không tin tưởng vợ con, ghen tuông, sống ích kỷ, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù hai bên gia đình cố gắng khuyên ngăn nhiều lần nhưng hai vợ chồng sống không hạnh phúc.

Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Về tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có lời khai trình bày: Quá trình chung sống ông và bà L thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn với bà L. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Hiện nay, cả 03 con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Về tài sản: không yêu cầu Tòa giải quyết nhưng ông H không đến Tòa án do đó không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định và đã thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án; Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo việc giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, vì mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Hiện nay, cả 03 con đều đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn H có nơi cư trú hiện nay tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[1.2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lưu Thị L và bị đơn Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 23/5/1990 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ghi tên Lưu Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1970, tuy nhiên theo đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, Lưu Thị Kim L theo giấy chứng nhận kết hôn nói trên và Lưu Thị L, sinh ngày 01/10/1970 trong căn cước công dân số 054170008873 do Cục cảnh sát quản lý hành chính cấp ngày 14/02/2022 là một người nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà L khai trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai đúng như chính quyền địa phương xác nhận và ông Nguyễn Văn H cũng có ý kiến thống nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị L như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Xét thấy 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã trưởng thành, các bên đương sự không có yêu cầu gì nên không xét.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Lưu Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 260, Điều 262, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 316, Điều 317; Điều 320 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị L.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Lưu Thị L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 23/5/1990 của UBND xã H là: Lưu Thị Kim L, sinh ngày 28/11/1970) được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999. Hiện nay, cả 03 con đều đã trưởng thành, các bên đương sự không có yêu cầu gì nên không xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Lưu Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000829 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện Tây Hòa;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- UBND xã Hòa Đồng
- CNKH số 04/1990);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Thúy

